

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 01 - 2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản, hủy
hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thả;
- Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp thừa kế tài sản, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Văn Thị Ngọc H**, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Văn Thị Mai L**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Văn Công M**, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.; vắng mặt.

3.2. Ông **Văn Công T**, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.3. Ông **Văn Công T1**, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.4. Bà **Văn Thị Ngọc D**, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn T,

huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.; có mặt.

3.5. Bà **Văn Thị Đ**, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp 2 M, xã L, huyện Cần Đước, tỉnh Long An; vắng mặt.

3.6. Bà **Văn Thị Bạch T2**, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp 2 M, xã L, huyện Cần Đước, tỉnh Long An; vắng mặt.

3.7. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.8. **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**; địa chỉ: Số 02 L, khu phố 4, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn C**– chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Đoàn Văn M1**– Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản uỷ quyền số 154/GUQ-CCTHADS ngày 29/12/2023); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 10 năm 2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Văn Thị Ngọc H trình bày:

Cụ ông Văn Công L1(chết năm 1991) và cụ bà Phan Thị B (chết năm 2016) chung sống từ năm 1960, có 06 (sáu) người con chung gồm: Văn Thị Ngọc H, Văn Công M, Văn Công T, Văn Công T1, Văn Thị Ngọc D và Văn Thị Mai L. Trước khi chung sống với cụ B, cụ L1 còn có 02 (hai) người con riêng là Văn Thị Đ và Văn Thị Bạch T2. Quá trình chung sống chung, vợ chồng cụ L1 và cụ B tạo dựng được tài sản là một căn nhà và phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng cụ L1 cùng các con sinh sống trên phần đất nêu trên từ năm 1978, đến năm 2001 cụ B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2014, bà xây thêm một căn nhà gạch trên đất. Cụ L và cụ B chết không ai để lại di chúc, các anh chị em bà chưa làm thủ tục chia di sản thừa kế, nhà đất do các con vẫn tiếp tục quản lý và sử dụng. Đến khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu thông báo về việc kê biên nhà và đất nêu trên thì chị em bà mới biết trước đó cụ B đã làm thủ tục tặng cho bà L quyền sử dụng đất.

Bà khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng phần đất 567,8 m² do cụ L và cụ B để lại như đã nêu trên, tự nguyện thay mặt các đồng thừa kế khác thanh toán cho bà L giá trị phần di sản mà bà được hưởng.

Đồng thời, bà yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Phan Thị B và bà Văn Thị Mai L được lập ngày 21/12/2007 tại UBND thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32, đất

tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vì việc tặng cho này không đúng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án – Bị đơn bà Văn Thị Mai L trình bày:

Bà thừa nhận phần tài sản là phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cụ L1 và cụ B để lại chưa chia như lời trình bày của bà H. Trước đây, cụ B dùng quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho bà vay tiền nhưng đến năm 2008, Ngân hàng từ chối tiếp tục cho vay vì lý do cụ B đã lớn tuổi. Do vậy, bà đã mượn sổ đỏ của cụ B để làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất sang tên cho bà để vay tiền trả nợ. Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã đưa cho bà “Dì T3” (không rõ họ tên, địa chỉ) để vay số tiền 100.000.000 đồng. Nay, bà đồng ý huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà và cụ B. Không tranh chấp chia di sản thừa kế, không tranh chấp các tài sản trên đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Văn Công M, ông Văn Công T, ông Văn Công T1, bà Văn Thị Ngọc D trình bày:

Thống nhất với lời trình bày, yêu cầu của bà H. Việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B và bà L là giả tạo nhằm mục đích cho bà L mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền Ngân hàng trả nợ, không phải sự thật. Nay, các ông bà đề nghị huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B với bà L. Không tranh chấp chia di sản thừa kế, không tranh chấp các tài sản trên đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Văn Thị Đ và Văn Thị Bạch T2 và người đại diện theo uỷ quyền của họ là bà Văn Thị Ngọc H trình bày:

Trước năm 1960, cụ L1 sống chung với cụ Hồ Thị S (chết năm 2012) có 02 (hai) người con chung là bà Đ và bà T2. Từ năm 1960 đến năm 1991 thì cụ L1 chung sống với cụ B. Quá trình chung sống có 06 (sáu) người con chung và tạo lập được nhà đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Cụ L1 chết không để lại di chúc. Nay, 02 (hai) bà đề nghị huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B với bà L. Không tranh chấp chia di sản thừa kế, không tranh chấp các tài sản trên đất. Từ chối nhận di sản thừa kế của cụ L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Năm 2013, bà L có vay của bà tiền và nợ tiền hội tổng cộng là 400.000.000 đồng. Do bà L không trả nên bà khởi kiện bà L. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 104/2013/QĐST-DS ngày 05/9/2013 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì bà L, ông H2 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 320.000.000 đồng. Sau khi có quyết định thi hành án số: 271/QĐTHA của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bà L, ông H2 không tự nguyện thi hành. Ngày 30/6/2015, Chi cục Thi hành án tiếp tục ban hành Quyết định số:

19/QĐ-CCTHA quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản là nhà và quyền sử dụng đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của bà L. Thì gia đình bà L gồm bà H và các anh chị bà L phát sinh tranh chấp di sản thừa kế, huỷ hợp đồng tặng cho giữa cụ B với bà L có ý kéo dài thời gian ảnh hưởng đến quyền lợi thi hành án của bà. Tài sản phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là của bà L. Yêu cầu Tòa án xét xử vụ kiện trên theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – Người đại diện ông Đoàn Văn M1 trình bày:

Người phải thi hành án thì bà Văn Thị Mai L, sinh năm 1972 và ông Lương Thế H2, sinh năm 1972, cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đang phải thi hành 03 (ba) Bản án, quyết định của Tòa án.

Trong quá trình tổ chức thi hành án, bà Văn Thị Mai L và ông Lương Thế H2 không tự nguyện thi hành, qua xác minh điều kiện thi hành án biết được bà Văn Thị Mai L và ông Lương Thế H2 có tài sản là nhà ở và thửa đất số 78, tờ bản đồ 32, diện tích 567,8 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02181 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 14/01/2008, vị trí đất tọa lạc tại thị trấn T, cho nên Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định số: 19/QĐ-CCTHA ngày 30/6/2015 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản và thực hiện kê biên tài sản ngày 20/8/2015. Nay, Tòa án thông báo thụ lý giải quyết đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Văn Thị Ngọc H liên quan đến tài sản của bà Văn Thị Mai L và ông Lương Thế H2 bị kê biên, thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh không có ý kiến gì.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tổ nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 122, 128, 137, 722 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Ngọc H. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 21/12/2007 giữa cụ Phan Thị B và bà Văn Thị Mai L đối với thửa đất số 78 vô hiệu một phần (½ diện tích).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Ngọc H đối với yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 21/12/2007 giữa bà Phan Thị B và bà Văn Thị Mai L đối với ½ diện thửa đất 78.
- Án phí, chi phí tố tụng các đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Văn Công M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Văn Thị Đ, bà Văn Thị Bạch T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền tại phiên toà; ông Đoàn Văn M1 là người đại diện theo uỷ quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà Đ, bà T2, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh..

[2] Về nội dung vụ án: Bà Văn Thị Ngọc H khởi kiện tranh chấp thừa kế tài sản và huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B với bà L phần đất diện tích 567,8 m², tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Văn Thị Mai L đứng tên chủ sử dụng, đất đang bị cưỡng chế kê biên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 17/11/2023, bà Văn Thị Ngọc H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Việc rút yêu cầu này của bà H là tự nguyện, đúng theo quy định. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập về việc chia di sản thừa kế nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Văn Thị Ngọc H. 02 (hai) người con riêng của cụ L1 có ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế từ cụ L, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Xét yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 21/12/2007 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữa cụ Phan Thị B và bà Văn Thị Mai L phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là do cụ ông Văn Công L1 (chết năm 1991) và cụ bà Phan Thị B (chết năm 2016) tạo lập. Năm 2001, cụ bà Phan Thị B được Uỷ ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất và cấp đổi lại năm 2007. Sau đó, cụ B lập hợp đồng tặng cho bà L và bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2008.

Xét về tính pháp lý của hợp đồng: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được cụ B, bà L xác lập ngày 20/12/2007 và Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chứng thực theo quy định pháp luật.

Xét về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng được lập dưới hình thức văn bản, có thể hiện đầy đủ nội dung thỏa thuận giữa các bên. Bên tặng, bên nhận đã ký, ghi họ tên, điểm chỉ xác nhận. Các đương sự không có ai có ý kiến về hình thức của hợp đồng, chữ viết, ký tên, dấu vân tay trong hợp đồng. Vì vậy, về hình thức của hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng: Các bên đương sự thừa nhận hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận với nhau, không bị ép buộc, lừa dối khi xác lập hợp đồng nên hợp đồng tặng cho có hiệu lực pháp luật.

Xét việc cụ B tặng cho bà L diện tích đất trên là hoàn toàn phù hợp với ý chí và quyền định đoạt tài sản của cụ B. Tuy nhiên, phần đất trên là tài sản chung của cụ B và cụ L1 nên cụ B chỉ được quyền định đoạt đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất trong khối tài sản chung, còn $\frac{1}{2}$ diện tích đất là của cụ L1. Như vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ bà Phan Thị B với bà Văn Thị Mai L chỉ vô hiệu đối với $\frac{1}{2}$ phần diện tích đất mà cụ L1 chết để lại, còn $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại của cụ B đã tặng cho bà L vẫn có hiệu lực. 02 (hai) người con riêng của cụ L1 có ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế từ cụ L1 nên khối di sản gồm đất và một số tài sản gắn liền với đất thuộc về các đồng thừa kế còn lại là 06 (sáu) người gồm: Bà Văn Thị Ngọc H, ông Văn Công M, ông Văn Công T, ông Văn Công T1, bà Văn Thị Ngọc D, bà Văn Thị Mai L.

Đối với tài sản gắn liền với đất gồm nhà, công trình phụ, cây trồng và các tài sản khác gắn liền với đất các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất diện tích 567,8 m², thửa số 78, tờ bản đồ 32, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thể hiện trên đất có 02 căn nhà tạm phía trước nhà, còn phía sau nhà ở hướng Nam có 01 căn nhà xây (do bà H xây năm 2014). Để thuận lợi cho các đương sự quản lý, sử dụng đất và các tài sản trên đất, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao phần đất cho bà L sử dụng là đất không có nhà xây là phần đất diện tích 256 m² nằm trong phần diện tích đất 515 m², thửa đất 78, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 26, tờ bản đồ số 41); còn bà H và các đồng thừa kế còn lại gồm ông M, ông T, ông T1, bà D, bà L sẽ quản lý sử dụng phần đất diện tích 259 m² nằm trong phần diện tích đất 515 m², thửa đất 78, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 26, tờ bản đồ số 41) trên đất có căn nhà xây của bà H là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

Do yêu cầu của bà Văn Thị Ngọc H được chấp nhận một phần nên bà Văn Thị Ngọc H, bà Văn Thị Mai L phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà H là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên bà H được miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, do yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần nên bà H, bà L phải cùng chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Do bà H tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 122, 128, 137, 722 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 144, 147, 157, 217, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Ngọc H đối với bà Văn Thị Mai L về tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

1.1/. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ bà Phan Thị B và bà Văn Thị Mai L số chứng thực số 360, quyền số 03/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 20/12/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là vô hiệu ½.

Xác định bà Văn Thị Mai L được quyền sử dụng diện tích đất 256 m², có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 11, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 27, tờ bản đồ số 41) dài 5.12 m; hướng Tây giáp đường Hoàng Văn Thái dài 4.89 m; hướng Nam giáp phần diện tích còn lại của thửa 78, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 26, tờ bản đồ số 41) dài 51.27 m; hướng Bắc giáp thửa 73, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 25, tờ bản đồ số 41) dài 15.73 m + 8.96 m + 26.42 m, theo sơ đồ chia đất kèm theo Bản án (trên đất có ½ diện tích nhà tạm (t1, t2); 01 phần mái che (mc1, mc2); 01 nhà vệ sinh (wc), tại thửa 78, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 26, tờ bản đồ số 41), đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Xác định Bà Văn Thị Ngọc H, ông Văn Công M, ông Văn Công T, ông Văn Công T1, bà Văn Thị Ngọc D, bà Văn Thị Mai L được quyền sử dụng diện tích đất 259 m², có tứ cận: hướng Đông giáp thửa 11, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 27, tờ bản đồ số 41) và thửa 68, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 33, tờ bản đồ số 41) dài 5.11 m; hướng Tây giáp đường Hoàng Văn Thái dài 4.89 m; hướng Bắc giáp phần diện tích còn lại của thửa 78, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 26, tờ bản đồ số 41) dài 51.27 m;

hướng Nam giáp thửa 64, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 16, tờ bản đồ số 40) dài 16.00 m + 16.10 m + 19.34 m, theo sơ đồ chia đất kèm theo Bản án (trên đất có ½ diện tích nhà tạm (t1, t2); 01 phần mái che (mc1, mc2); 01 nhà gạch (g) diện tích 88.5 m², tại thửa 78, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa 26, tờ bản đồ số 41), đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy nhận quyền sử dụng đất số H02181 ngày 14/01/2008, đã cấp đối với thửa đất 78, tờ bản đồ số 32 (nay là thửa số 26, tờ bản đồ số 41), đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo nội dung của Bản án. Bà Văn Thị Ngọc H, ông Văn Công M, ông Văn Công T, ông Văn Công T1, bà Văn Thị Ngọc D, bà Văn Thị Mai L được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao theo quyết định của Bản án.

1.2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Ngọc H đối với bà Văn Thị Mai L về tranh chấp thừa kế tài sản.

2/. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1/. Về án phí: Bà Văn Thị Mai L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Văn Thị Ngọc H được miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

2.2/. Chi phí tố tụng khác: Bà Văn Thị Ngọc H tự nguyện chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận, bà H đã nộp và đã chi phí xong.

3/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan

